

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 29/2019/DS-ST

Ngày 13 - 11 - 2019

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đức Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị H.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: thụ lý số: 55/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/QĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-DS ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông Lê Anh D.

Địa chỉ: Tổ 22, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, có mặt.

***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Tổ 5, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Lê Anh D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị H nên ngày 31/01/2016, ông Lê Anh D có cho bà H vay 700 triệu đồng, thời hạn vay 02 tháng. Đến ngày 01/02/2016 ông D cho bà H vay tiếp 600 triệu đồng, thời hạn trả nợ 02 tháng kể từ ngày vay. Cả hai lần vay trên đều do bà Nguyễn Thị H trực tiếp viết giấy vay nợ xác nhận đã nhận đủ số tiền vay và ký tên người vay. Trong giấy vay tiền không ghi việc thỏa thuận tính lãi suất.

Quá trình vay, ngày 06/11/2018 bà Nguyễn Thị H đã trả cho ông Lê Anh D 200 triệu đồng. Số tiền còn lại 1,1 tỷ đồng ông D đã đòi rất nhiều lần nhưng bà H không trả.

Nay ông Lê Anh D đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền còn nợ lại là 1,1 tỷ đồng. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi

hành án, bà H sẽ phải thanh toán số tiền trên theo lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

**Tại bản tự khai đề ngày 15/10/2019, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Qua chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị H có vay của ông Lê Anh D số tiền như nội dung ông D trình bày ở trên là đúng. Việc vay tiền được sử dụng vào mục đích cá nhân bà H không liên quan đến ai. Mặc dù giấy vay tiền không thỏa thuận có lãi suất, tuy nhiên trên thực tế bà H phải trả lãi cho ông D theo mức lãi là 2.000 đồng/triệu/ngày, việc thỏa thuận lãi không có người chứng kiến. Hàng tháng bà H trả tiền cho ông D là 78 triệu đồng.

Đầu năm 2017, bà H đã trả cho ông D 936 triệu đồng, cuối năm 2017 trả tiếp 100 triệu đồng. Năm 2018 trả tiếp 300 triệu đồng. Cả ba lần trả tiền này bà đều nhờ chồng là ông Nguyễn Thanh H mang tiền đến trả. Tuy nhiên do tin tưởng nhau nên không làm văn bản xác nhận việc trả nợ và cũng không có người ngoài gia đình chứng kiến. Duy nhất ngày 06/11/2018 bà H có nhờ chị Trịnh Thị V cầm 200 triệu đồng đi trả nợ là có làm văn bản ký nhận. Tính đến ngày 06/11/2018, bà H đã trả cho ông D được 1.536.000.000 đồng.

Nay ông D đề nghị bà phải thanh toán số tiền còn nợ lại là 1,1 tỷ đồng, bà H không nhất trí. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Qua phần tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu phản tố vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt của bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện và mối quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngày 31/01/2016 và ngày 01/02/2016, ông Lê Anh D có cho bà Nguyễn Thị H vay tổng số tiền là 1,3 tỷ đồng. Hạn thanh toán cuối cùng là ngày 01/4/2016. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ tiếp theo. Ngày 26/8/2019 ông Lê Anh D mới có đơn khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” đã hết. Do vậy việc ông D khởi kiện bà H được xác định bằng mối quan hệ tranh chấp là “Kiện đòi tài sản”.

[2]. Về nội dung:

[2.1 Bà Nguyễn Thị H xác nhận trong các ngày 31/01/2016 và 01/02/2016, bà H có vay của ông Lê Anh D tổng số tiền 1,3 tỷ đồng, thời hạn trả nợ của mỗi lần vay là 02 tháng. Chữ viết và chữ ký của giấy vay tiền là do chính tay bà H viết

và ký ra, bà H đã nhận đủ số tiền vay. Ngày 06/11/2018 bà H có nhờ chị Trịnh Thị V trả cho ông D được 200 triệu đồng. Các đương sự đều khai thống nhất và xác nhận sự việc. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Về việc thỏa thuận lãi: Trong giấy vay tiền các ngày 31/01/2016 và 01/02/2016 đều không ghi lãi suất, bà Nguyễn Thị H cho rằng có việc thỏa thuận lãi theo mức lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày (tương đương mức lãi 6%/tháng), tuy nhiên việc thỏa thuận này không có người làm chứng và ông D không thừa nhận, trong suốt quá trình tố tụng, bà H không đưa ra được các chứng cứ để xác định nội dung này do vậy không có cơ sở để xác định việc 2 bên có thỏa thuận về lãi suất.

[2.3]. Về số tiền còn phải trả nợ:

Bà Nguyễn Thị H cho rằng trong năm 2017, bà đã trả cho ông D 1.036.000.000 đồng, đến đầu năm 2018 trả thêm 300.000.000 đồng. Cả 3 lần trả nợ bà đều nhờ chồng là ông Nguyễn Thanh Hải đem tiền trả nợ nhưng do tin tưởng nhau nên không làm giấy biên nhận trả tiền và không mời người làm chứng. Tuy nhiên trong suốt quá trình tố tụng, bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả tiền theo nội dung trên. Do vậy việc bà H cho rằng tính đến thời điểm trước ngày 06/11/2018 bà đã trả cho ông D là 1.336.000.000 đồng là không có cơ sở.

Từ các phân tích trên đây, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ xác định ông Lê Anh D cho bà Nguyễn Thị H vay 1,3 tỷ đồng không có lãi suất, bà H đã trả cho ông D được 200 triệu đồng vào ngày 06/11/2018, số tiền còn nợ lại là 1,1 tỷ đồng chưa trả. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh D là có cơ sở cần chấp nhận toàn bộ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Anh D không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí đối với số tiền phải hoàn trả theo quy định của pháp luật.

**- Vì các lẽ trên.**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh D.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Anh D số tiền còn nợ lại theo nội dung Giấy vay nợ đề ngày 31/01/2016 và giấy vay ngày 01/02/2016 là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Anh D không phải chịu án phí và được hoàn lại 22.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006316 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Các đương sự
- THADS;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Đức Thịnh**

